

Số: /QĐ-UBND

Thạch Khôi, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt danh sách hỗ trợ kinh phí thực hiện chế độ chính sách
An sinh xã hội khối giáo dục học kỳ II, năm học 2025-2026**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG THẠCH KHÔI

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 3/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực GD&ĐT;

Căn cứ Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Căn cứ Nghị quyết 04/2021/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của HĐND thành phố Hải Phòng quy định một số mức hỗ trợ thực hiện Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ về chính sách phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT BGD&ĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 21/12/2013 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động TB&XH, Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

Căn cứ Nghị quyết 28/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tự thực trên địa bàn thành phố Hải Phòng từ năm học 2025 - 2026;

Căn cứ Nghị quyết 58/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng quy định danh mục các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Căn cứ Tờ trình số 126/TTr-VHXH, ngày 22/04/2026 của phòng Văn hóa - Xã hội về việc cấp kinh phí chi các chế độ an sinh xã hội khối giáo dục học kỳ II, năm học 2025-2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt danh sách hỗ trợ kinh phí các chế độ chính sách an sinh xã hội khối giáo dục học kỳ II, năm học 2025-2026 với số tiền là: **388.168.000**

đồng. (Bảng chữ: Ba trăm tám mươi tám triệu, một trăm sáu mươi tám nghìn đồng), trong đó:

1. Chi hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non trong cơ sở giáo dục dân lập, tự thực thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo điểm a, khoản 3, Điều 16, Nghị định 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ cho 299 trẻ, với số tiền là: **294.553.000 đồng. (Bảng chữ: hai trăm chín mươi tư triệu, năm trăm năm mươi ba nghìn đồng)**

(Chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm)

2. Hỗ trợ chi phí học tập theo Điều 17, Nghị định 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ cho 38 học sinh với số tiền là: **28.500.000 đồng. (Bảng chữ: Hai mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng)**

(Chi tiết theo phụ lục 02 đính kèm)

3. Hỗ trợ học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập theo Điều 7 Thông tư 42/2013/TTLT BGD&ĐT-BLĐT BXH-BTC cho 01 học sinh với số tiền là: **9.915.000 đồng. (Bảng chữ: Chín triệu, chín trăm mười năm nghìn đồng)**

(Chi tiết theo phụ lục 03 đính kèm)

4. Chi trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp theo Điều 8, Nghị định 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ cho 48 trẻ với số tiền là: **48.000.000 đồng. (Bảng chữ: Bốn mươi tám triệu đồng)**

(Chi tiết theo phụ lục 04 đính kèm)

5. Chi hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo là nhân khẩu trong gia đình thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tại điểm c, khoản 1, điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ cho 09 trẻ với số tiền là: **7.200.000 đồng. (Bảng chữ: Bảy triệu, hai trăm nghìn đồng)**

(Chi tiết theo phụ lục 05 đính kèm)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3: Chánh Văn phòng HĐND&UBND; Trưởng các phòng: Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Văn hóa - xã hội; Hiệu trưởng các cơ sở giáo dục, thủ trưởng các đơn vị có liên quan, chủ các cơ sở giáo dục mầm non độc lập trên địa bàn phường có tên trong danh sách và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy; (để báo cáo)
- CT, PCT UBND phường;
- Phòng KT, HT&ĐT;
- Kho bạc NN KV3-PGD5; (phối hợp)
- Như điều 3;
- Lưu VT, VHXH.

CHỦ TỊCH

Tăng Văn Quân

